TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 371/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2019.
V/v "không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng Vương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đặng Mỹ Hạnh.
2. Ông Trần Quang Mẫn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2019/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2414/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Châu Văn S, sinh năm 1968 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: 13/3E đường B, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1964 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: 282/5A C, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 21/5/2019, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn ông Châu Văn S trình bày:

Ông và bà Lê Thị H tự nguyện sống chung vào năm 2005 không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc đến năm 2014 thì Châu Văn S và bà H phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống chung ngày càng nặng nề, không hạnh phúc. Từ khi ly thân đến nay, rất nhiều lần ông và bà H hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Quá trình sống chung ông và bà H có 01 con chung là Châu Lê Thúy Ngân (Nữ), sinh ngày 6/3/2006.

Ông đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con ông và bà H xin tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Châu Văn S trình bày, ông và bà H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị H trình bày tại bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến như sau:

Bà xác nhận thời điểm sống và không đăng ký kết hôn của bà và Châu Văn S là đúng như Châu Văn S đã trình bày. Quá trình sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc, nhưng thời gian sau này thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2014 bà và ông Hậu đã chính thức ly thân không còn sống chung nữa. Quá trình ly thân bà và ông Hậu cũng đã nhiều trao đổi, hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. Nay Châu Văn S yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng bà đồng ý.

Về con chung: Quá trình sống chung bà và Châu Văn S có 01 con chung là con chung là Châu Lê Thúy Ngân (Nữ), sinh ngày 6/3/2006. Bà xin trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Châu Văn S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày – bà và Châu Văn S không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay, ông Châu Văn S và bà Lê Thị H có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với pháp luật qui định.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo lời trình bày của Châu Văn S và bà H thì các đương sự tự nguyện sống chung vào năm 2005, không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, thời gian đầu tương đối hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống chung, ông bà ly thân từ đó. Quá trình ly thân, Châu Văn S và bà Châu cũng nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Nay Châu Văn S và bà H cùng đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Châu Văn S và bà H đã thỏa thuận được giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung cả hai tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung Châu Văn S và bà H cùng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Các đương sự đã thỏa thuận được về việc giải quyết con chung và tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

1.1. Nguyên đơn ông Châu Văn S có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Lê Thị H, bà H có địa chỉ thường trú tại 282/5A đường Cống Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý và giải quyết theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

1.2. Ông Châu Văn S và bà Lê Thị H có xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về pháp luật áp dụng: Ông Châu Văn S và bà Lê Thị H tự nguyện sống chung từ năm 2005 là thời điểm Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 còn hiệu lực, nên pháp luật áp dụng trong vụ án này là Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Về con chung và tài sản chung được giải quyết theo qui định tại các Điều 53, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, ông Châu Văn S và Lê Thị H cùng xác nhận thời điểm hai bên tự nguyện sống chung vào năm 2005. Tại thời điểm sống chung Châu Văn S và bà H đã có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nhưng Châu Văn S và bà H không làm thủ tục đăng kết hôn theo qui định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Tại khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 qui định: *"Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng"*.

[2.2] Đối chiếu với các qui định trên thì quan hệ hôn nhân giữa Châu Văn S và bà H không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Châu Văn S nộp đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Tuy nhiên, quá trình sống chung giữa Châu Văn S và bà H có 01 con chung là con chung là Châu Lê Thúy Ngân (Nữ), sinh ngày 6/3/2006 nên vẫn giải quyết theo qui định của pháp luật.

[3] Châu Văn S và bà H cùng thỏa thuận: Giao trẻ Châu Lê Thúy Ngân (Nữ), sinh ngày 6/3/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, thỏa thuận này cũng phù hợp theo qui định của pháp luật và nguyện vọng của trẻ Ngân, nên được ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và Châu Văn S tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên được ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Châu Văn S và bà H cùng khai không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí : Án phí dân sự sơ thẩm Châu Văn S phải nộp theo qui định là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 7 Điều 3, Điều 8, Điều 9, Điều 14, 15, 16, 53, 57, 58, và các Điều 81, 82, 83 và

Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Châu Văn S và bà Lê Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Châu Văn S và bà Lê Thị H xác định có 01 con chung là Châu Lê Thúy Ngân (Nữ), sinh ngày 6/3/2006. Giao trẻ Ngân cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các bên tự thỏa thuận không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo qui định tại Điều 82 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Châu Văn S và bà H cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Văn S phải nộp 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000(ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Châu Văn S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0007612 ngày 4/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Châu Văn S đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hoàng Vương